

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2019.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Ánh Hương

2. Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu O, sinh năm: 1980.

HKTT: Xóm 3, tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Số 16/47, Khu phố 8, phường V, TP. P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc L, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm 3, tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị O trình bày:

Năm 2000, chị O và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Chung sống vợ chồng đến năm 2011 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh L thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011. Năm 2015, chị quay về tiếp tục chung sống với anh L, nhưng được một thời gian ngắn thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và chị tiếp tục sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị xác định có hai con chung là Đoàn Ngọc L1, sinh năm 2000 và Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 27/7/2005, hiện nay hai con đang ở với anh L. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con cho anh L có trách

nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chi cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Tại Bản tự khai ngày 10/9/2018, anh L trình bày:

Anh và chị O kết hôn với nhau như chị O trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống được 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong những việc không đáng. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay, chị O yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị O trình bày là đúng. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con là tùy ở chị O, anh không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh L vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Cả chị O và anh L đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị O. Giao con chung là Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 27/7/2005 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị O cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng. Chị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị O vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị O và anh L là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị O và anh L xây dựng gia đình với nhau năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị O làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị O, anh L đều vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn ly hôn và biên bản hòa giải chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn anh L trong lời khai của mình anh không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L

tham gia hòa giải nhưng anh L không có mặt điều này thể hiện anh L không hề có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, qua xác minh được biết mâu thuẫn vợ chồng chị O và anh L đã trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nhưng cả hai đều không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị O, xử cho chị O và anh L được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung:

Chị O và anh L có 02 con chung là Đoàn Ngọc L1, sinh năm 2000 và Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 27/7/2005. Khi ly hôn, chị O yêu cầu Tòa án giao 02 con cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, cháu Luân hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giao cho chị O hay anh L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm làm cha, làm mẹ của anh L và chị O đối với con. Còn cháu Đăng thì kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Đăng vẫn do anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu Đăng lại có nguyện vọng được ở với bố và chị O cũng đề nghị giao con cho anh L nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu Đăng cho anh L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000đ/tháng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Thu O, xử cho chị Lê Thị Thu O và anh Đoàn Ngọc L được ly hôn.

[2] Về con chung:

Giao con chung là Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 27/7/2005 cho anh Đoàn Ngọc L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Lê Thị Thu O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con là kể từ khi án có hiệu lực pháp luật trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng, cộng chung là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000677 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị O còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị O và anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp thị trấn Đ;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Trung Kiên